

Bản án số: 13/2017/KDTM-ST
Ngày 31-10-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phin;
2. Ông Lương Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2016/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐ-KDTM ngày 04/10/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý tài sản của Các TCTD; Trụ sở chính: Đường HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã BK, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lại số 60/VAMC-UQ ngày 18/5/2016 của Phó Tổng giám đốc Công ty); có mặt;

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu TN; Trụ sở: Đường KT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dư Kim S, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Đường CN, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu TN); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Quốc T – Luật sư Văn phòng Luật sư NT và ĐN, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP; trụ sở: Đường LTK, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã BK, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lại số 169-1/2017GUQ – TPB.BĐH ngày 19/7/2017 của Giám đốc khối pháp chế và xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP); có mặt;

+ Xí nghiệp Tư nhân TN; trụ sở: Đường PHT, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Dư Kim S, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Đường CN, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Xí nghiệp tư nhân TN); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/05/2016, các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 01/6/2011, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu TN (sau đây gọi tắt là Công ty TN) đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 02310511 CB/HP-TPB/HMTD.11 vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (sau đây gọi tắt là Ngân hàng TP) với giá trị hạn mức 3.000.000.000 đồng;

- Thời hạn sử dụng hạn mức tối đa: 12 tháng; trường hợp cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng lần giải ngân kể từ ngày nhận nợ;

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất theo từng lần giải ngân tại thời điểm giải ngân.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ngày 29/6/2012, Ngân hàng TP đã tiến hành giải ngân cho khách hàng số tiền 2.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty TN đã dùng tài sản là phần vốn góp của Xí nghiệp tư nhân TN (sau đây gọi tắt là Xí nghiệp TN) vào Công ty TN để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TP. Đó là toàn bộ hạng mục bao gồm nhà xưởng sản xuất, văn phòng và công trình khác được xây dựng trên đất thuê tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB

538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp tư nhân TN góp vốn vào Công ty TN do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 09/5/2011. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02310511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 31/5/2011.

Ngày 14/7/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý tài sản của Các TCTD (sau đây gọi tắt là V) và Ngân hàng TP đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số số 8057/2015/MBN.VAMC2-TBBANK. Theo đó, kể từ ngày 14/7/2015 trở đi V sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng TP đối với khoản vay của Công ty TN.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Công ty TN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi; đại diện của V đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện để Công ty TN khắc phục khó khăn, thu xếp thanh toán nợ, nhưng Công ty TN vẫn không thực hiện. Như vậy, Công ty TN đã vi phạm các cam kết trả nợ đã ký và để nợ quá hạn phát sinh tại V.

Nay, V đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết những vấn đề sau đối với Công ty TN:

1. Buộc Công ty TN phải thanh toán ngay cho V toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 31/10/2017 là 5.417.380.815 đồng (*năm tỷ bốn trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm mười lăm đồng*), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 257.555.556 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.159.825.259 đồng.

2. Kể từ ngày quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty TN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là:

- Toàn bộ hạng mục bao gồm nhà xưởng sản xuất, văn phòng và công trình khác được xây dựng trên đất thuê tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp TN góp vốn vào Công ty TN do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 09/5/2011. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02310511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 31/5/2011.

3. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty TN đối với V, nếu số tiền thu được còn thừa, V sẽ trả lại cho Xí nghiệp TN theo quy định của pháp luật; nếu số tiền thu được bị thiếu thì Công ty TN tiếp tục trả cho V số tiền còn thiếu.

Trong các bản văn bản gửi Tòa án, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Dư Kim S trình bày: Ông S xác nhận

Công ty TN có ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp các tài sản như trình bày của đại diện nguyên đơn.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng (hai tỉ đồng) như phía đại diện nguyên đơn đã trình bày. Đối với khoản nợ lãi thì ông không xác nhận vì ông cho rằng lãi suất quá hạn mà nguyên đơn áp dụng với doanh nghiệp là cao. Ông đề nghị nguyên đơn tính lãi suất theo đúng lãi suất cho vay ra đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên mà không phải là tính lãi suất quá hạn. Do hiện nay Công ty TN cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, bị các Doanh nghiệp khác nợ nhiều nên Công ty đưa ra phương án trả nợ cho nguyên đơn như sau: Công ty TN nhận trách nhiệm trả cho V số tiền nợ gốc là: 2.000.000.000, số tiền lãi là 500.000.000đồng. Tổng số tiền (cả nợ gốc và lãi) là: 2.500.000.000đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và được chia theo lộ trình trả nợ như sau: Ngay sau khi phiên tòa kết thúc, Công ty TN sẽ trả cho V số tiền 1.000.000.000đồng và số tiền 1.500.000.000đồng Công ty TN sẽ trả sau 06 tháng kể từ ngày phiên tòa kết thúc.

Đối với tài sản thế chấp: Ông Dur Kim S trình bày, tài sản dùng để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng thửa đất tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp tư nhân TN chứ không phải là vật kiến trúc được xây dựng trên đất. Vì các hạng mục công trình trên đất này được cấp phép xây dựng vào ngày 20/01/2012 (tức là sau thời điểm thế chấp tài sản).

Nếu V không chấp nhận phương án như trên thì bị đơn chấp nhận kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng của thửa đất đã trình bày ở trên theo quy định của pháp luật để thanh toán nợ cho Công ty TN.

Đại diện VKSND quận Hồng Bàng trình bày ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 327, Điều 351, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Án lệ số 08/2016/AL chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TN phải trả cho V các khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là Công ty TN phải nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án vẫn tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh và có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[3] Về hiệu lực của Hợp đồng:

Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đều phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 463 Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng. Bởi vậy, các hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Đối với các Hợp đồng thế chấp: Hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp đều phù hợp với quy định tại các Điều 317 và 319 của Bộ luật dân sự. Hợp đồng đã được công chứng và tài sản thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán nợ đều phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 463 Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng. Bởi vậy, hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty TN đã vay tiền của Ngân hàng TP và khi đến hạn Công ty TN đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận và cam kết trong hợp

đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Như vậy, Công ty TN đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 14/7/2015, VAMC và Ngân hàng TP đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 8057/2015/MBN.VAMC2-TBBANK. Theo đó, kể từ ngày 14/7/2015 trở đi V sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng TP đối với khoản vay của Công ty TN. Như vậy V có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty TN thanh toán các khoản tiền còn nợ đối với khoản vay tại Ngân hàng TP cho V.

V không chấp nhận cho Công ty TN được miễn giảm tiền lãi và trả dần tiền nợ gốc và cho rằng sau này, nếu phía Công ty TN có thiện chí trong việc trả nợ thì V sẽ xem xét, thỏa thuận, đảm bảo lợi ích cho Công ty TN trong quá trình thi hành án. Trường hợp, Công ty TN không trả được nợ thì V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Toàn bộ hạng mục bao gồm nhà xưởng sản xuất, văn phòng và công trình khác được xây dựng trên đất thuê tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp tư nhân TN góp vốn vào Công ty TN do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 09/5/2011 để thanh toán nợ.

Qua xem xét tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên, thấy rằng trong khi quản lý, sử dụng các tài sản thế chấp không có sự chuyển dịch quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trên đất. Tuy nhiên đối với các tài sản trên đất thì có sự thay đổi về hiện trạng nhà đất so với khi thế chấp. So với các tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 31/05/2011 thì Công ty TN có xây dựng thêm 01 nhà văn phòng 02 tầng, cao 12.50 m, diện tích là 175.2m² và 01 Nhà điều hành sản xuất 03 tầng, cao 11.89 m, diện tích là 97.65m². Tuy nhiên căn cứ theo giấy phép xây dựng thì 02 hạng mục công trình này được cấp phép xây dựng vào ngày 20/01/2012, tức là được cấp phép xây dựng sau khi đăng ký giao dịch bảo đảm. Theo quy định của pháp luật cũng như theo tiêu mục 6.2.6 mục 6.2 Điều 6 Hợp đồng thế chấp tài sản có thỏa thuận: "trong thời gian thế chấp, không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại (nếu không được sự đồng ý của bên nhận thế chấp), thế chấp, góp vốn, thay đổi hiện trạng tài sản thế chấp, thay đổi mục đích sử dụng; không được dùng tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác trừ trường hợp bên nhận thế chấp đồng ý bằng văn bản cho phép...". Như vậy, Xí nghiệp TN không được phép xây dựng 02 hạng mục công trình trên là vi phạm thỏa thuận đã ký kết giữa các bên. Vì vậy, tài sản tăng thêm do đầu tư cũng thuộc tài sản thế chấp và việc xử lý tài sản bao gồm cả phần giá trị đầu tư thêm.

Do Công ty TN vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên việc V ủy quyền cho Ngân hàng TP khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty TN cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Xí nghiệp TN phải thực hiện

nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 309, Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như tại Điều 299; Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức Tín dụng; Điều 463, Điều 466 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc tính toán các khoản tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là phù hợp với thỏa thuận, cam kết giữa các bên được quy định trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Yêu cầu Công ty TN phải trả V các khoản nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/10/2017, tổng số tiền là: 5.417.380.815 đồng (*năm tỷ bốn trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm mười lăm đồng*). Cụ thể:

- + Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn là: 257.555.556 đồng
- + Nợ lãi phạt quá hạn là: 3.159.825.259 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 01/11/2017), Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần TP thì lãi suất mà Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần TP là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là: Toàn bộ hạng mục bao gồm nhà xưởng sản xuất, văn phòng và công trình khác được xây dựng trên đất thuê tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp TN góp vốn vào Công ty TN do Sở Tài nguyên môi trường TP. Hải Phòng xác nhận ngày 09/5/2011 để đảm bảo việc thanh toán nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty TN đối với V, nếu số tiền thu được còn thừa, V sẽ trả lại cho bên thế chấp là Xí nghiệp TN; trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì Công ty TN phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Quản lý tài sản các TCTD không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại V số tiền 39.522.000 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) mà Công ty Quản lý tài sản các TCTD đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0009204 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn, Công ty TN phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.417.381 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 299, khoản 7 Điều 323, Điều 327, Điều 351, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD.

1. Buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2017, tổng số tiền là: 5.417.380.815 đồng (*năm tỷ bốn trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm mười lăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 257.555.556 đồng, nợ lãi quá hạn là: 3.159.825.259 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 01/11/2017), Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần TP thì lãi suất mà Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần TP.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN không trả được khoản tiền trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ hạng mục bao gồm nhà xưởng sản xuất, văn phòng và công trình khác được xây dựng trên đất thuê tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 538252, vào sổ cấp GCN số CT 00370 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2011 cho Xí nghiệp tư nhân TN góp vốn vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu TN do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận ngày 09/5/2011.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD còn thừa thì được trả lại cho Xí nghiệp tư nhân TN. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD thì Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu TN phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại Công ty Quản lý tài sản các TCTD số tiền 39.522.000 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) mà Công ty Quản lý tài sản các TCTD đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0009204 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn, Công ty TN phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.417.381 đồng (Một trăm mười ba triệu bốn trăm mười bảy nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Đối với khoản tiền nợ gốc nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, Nếu người phải thi hành án dân sự

không thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND p. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Dũng